

Tp. Hồ chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO TUẦN 8**  
(từ ngày 14/2/2026 đến 20/2/2026)

**I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026**

Diện tích phục vụ vụ Đông xuân đến ngày 20/2/2026 là: **18.169,44 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 8.667,87 ha**
- Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 7.349,49 ha;
  - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 103,73 ha ;
  - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 37,79 ha ;
  - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 30,64 ha;
  - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch Láng The đến sông Lu : 477,95 ha ;
  - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 667,27 ha .
- 2. Khu vực HM-BBC (XNHM-BC) : 4.245,45 ha**
- Hệ thống CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 3.746,64 ha;
  - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,80 ha.
- 3. Khu vực Quận 12- HM (XN-NRT) : 2.559,34 ha**
- TTL bờ hữu VSSG huyện Củ Chi từ TL8 đến rạch Tra (BRT): 809,37 ha;
  - CTTL bờ hữu VSSG từ sông Vàm Thuật đến rạch Tra (NRT): 1.713,93 ha;
  - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 144,15 ha;
  - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 128,37 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) : 2.460,30 ha**
- Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum : 541,00 ha;
  - Công trình 05 công ngăn triều : 1.919,30 ha.
- (Chi tiết diện tích cơ cấu cây trồng từng công trình – Xem bảng đính kèm)

**II. TÌNH HÌNH THU HOẠCH VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026**

Đến ngày 20/02/2026 trên địa bàn hệ thống CTTL kênh Đông Củ Chi đã thu hoạch: 3,13 ha lúa.

**III. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:**

**1. Lượng nước sử dụng:**

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 14/02/2026 đến ngày 20/02/2026: 6.780.422 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
14/02/2026	13,70	13,40	0,9	10,25	885.879	2,62	226.677
15/02/2026	13,68	13,38	0,9	10,25	885.879	2,93	253.433
16/02/2026	13,35	13,15	0,9	8,37	723.317	2,51	217.027
17/02/2026	13,17	12,95	0,9	8,78	758.622	2,00	173.128

18/02/2026	13,30	13,06	0,8	8,11	700.452	2,39	206.927
19/02/2026	13,33	13,10	0,8	7,94	685.704	2,51	217.027
20/02/2026	13,30	13,10	0,8	7,40	639.423	2,39	206.927
<b>Tổng cộng</b>					<b>5.279.276</b>		<b>1.501.146</b>

**b.** Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 20/02/2026 là **89,86** triệu m<sup>3</sup> (trong đó K34+644: 70,23 triệu m<sup>3</sup>, K0 – N25: 19,63 triệu m<sup>3</sup>).

**c.** Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (13,9÷21,4) NTU và pH dao động từ (6,93÷7,34).

**3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (22,28÷22,41)m.

	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
14/02/2026	22,41	22,68
15/02/2026	22,39	22,66
16/02/2026	22,37	22,64
17/02/2026	22,32	22,62
18/02/2026	22,33	22,60
19/02/2026	22,30	22,57
20/02/2026	22,28	22,55

**4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:**

– **Mức nước Max trong tuần:**

- + Cống Gò Dưa : + 1,52 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,46 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,40 m
- + Cống kênh C : + 1,50 m
- + Cống An Hạ : + 1,22 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 20/02/2026		Độ mặn (2025) Ngày 18/02/2025	
		PS	PD	PS	PD	PS	PD
1	Cống Tân Kiên	6,76	6,8	3,7	1,2	3,6	1,2
2	Cống kênh C	6,92	6,83	3,2	0,9	3	0,7
3	Cống kênh B	6,66	6,82	2,8	0,8	2,5	0,6
4	Cống kênh A	6,73	6,71	2,5	0,6	2,1	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,51		2,0		1,7	
6	C cuối kênh Ranh	6,66		0,5		0,5	
7	Cống An Hạ	6,18		0,3		0,3	
8	Cống T10	6,42		0,2		0,2	

#### **IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:**

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.

##### **Ghi chú:** Tình hình ký Hợp đồng:

- HĐ SPDVCITL với địa phương: Đã ký 24/26 HĐ (còn 02 HĐ chưa ký gồm: An Phú Đông, Tân Nhựt);
- HĐ SPDVCITL đối tượng phải thu: Đã ký 19/25 HĐ (XNCC: 15/17, XNBC: 4/8).
- HĐ cung cấp SPDVTL khác: Đã ký 3/15 HĐ (XNCC: 2/7, XNBC: 1/6, XNNRT: 0/1, XNTĐ: 0/1).